

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH
CẢ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SDTTG ngày /4/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Gia Lai công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách (cả năm 2025) như sau:

ĐVT: đồng					
STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	-	-
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	41.421.995.702	37.801.993.578	581	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	41.421.995.702	37.801.993.578	581	-
1	Chi quản lý hành chính	31.690.790.293	30.880.250.168	292	-
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	12.480.515.320	12.479.951.688	196	-

-	KP Quản lý Nhà nước	12.479.951.688	12.479.951.688	100	
-	KP thực hiện CCTL	563.632		-	
1.2	<i>Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	19.210.274.973	18.400.298.480	96	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-		-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	3.510.471.430	2.598.835.774	74	-
3.1	<i>Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	-	-		-
3.2	<i>Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	3.510.471.430	2.598.835.774	74	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		-
5	Chi bảo đảm xã hội	2.436.733.500	2.094.226.892	86	-
5.1	<i>Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	-	-		-
5.2	<i>Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	2.436.733.500	2.094.226.892	86	
6	Chi hoạt động kinh tế	2.296.316.144	838.295.344	37	-
6.1	<i>Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	-	-		-
6.2	<i>Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	2.296.316.144	838.295.344	37	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.473.284.335	1.375.985.400	93	-
8.1	<i>Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	-	-		-
8.2	<i>Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ</i>	1.473.284.335	1.375.985.400	93	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		-
11	Tài chính và khác	14.400.000	14.400.000	100	
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-	-	-